

Số: 32/TTr-UBND

Krông Pa, ngày 24 tháng 02 năm 2023

TỜ TRÌNH

**Về việc cho ý kiến về kế hoạch vốn đầu tư phát triển thực hiện
02 chương trình MTQG năm 2023 trên địa bàn huyện**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân huyện

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định 27/2022/NĐ-CP ngày 19/04/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 17/2022/NQ-HĐND ngày 15/4/2022 của HĐND tỉnh Gia Lai ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình Mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Nghị quyết số 20/2022/NQ-HĐND ngày 08/7/2022 của HĐND tỉnh Gia Lai ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Nghị quyết số 185/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách địa phương, các chương trình mục tiêu quốc gia và thông qua phương án phân bổ vốn năm 2023 nguồn ngân sách trung ương;

Căn cứ Quyết định số 773/QĐ-UBND ngày 13/12/2022 của UBND tỉnh Gia Lai về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 136/NQ-HĐND ngày 31/08/2022 của HĐND huyện về việc thống nhất về kế hoạch vốn đầu tư phát triển thực hiện 02 Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 và năm 2022 trên địa bàn huyện.

Ủy ban nhân dân huyện kính trình Hội đồng nhân dân huyện xem xét, cho ý kiến về kế hoạch vốn đầu tư phát triển thực hiện 02 chương trình MTQG năm 2023 trên địa bàn huyện như sau:

Tổng kế hoạch vốn đầu tư phát triển thực hiện 02 chương trình MTQG năm 2023 là: 29.379 triệu đồng (Bằng chữ: Hai mươi chín tỷ ba trăm bảy mươi chín triệu đồng). Trong đó:

1. Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, Kế hoạch vốn: 26.122 triệu đồng. Trong đó:

- **Dự án 1:** Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt: 6.017 triệu đồng. Trong đó:

+ Hỗ trợ nhà ở cho 43 hộ: 1.892 triệu đồng.

+ Hỗ trợ đất sản xuất cho 50 hộ: 1.125 triệu đồng.

+ Hỗ trợ nước sinh hoạt tập trung: 3.000 triệu đồng.

- **Dự án 2:** Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết: 4.240 triệu đồng (Dự án sắp xếp, bố trí ổn định các hộ thiếu số du canh, du cư buôn Ma Giai, xã Đất Bằng).

- **Dự án 4:** Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống vùng đồng bào DTTS&MN và các đơn vị sự nghiệp lĩnh vực công của lĩnh vực dân tộc.

Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống vùng đồng bào DTTS&MN: 15.031 triệu đồng.

- **Dự án 6:** Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch: 334 triệu đồng.

- **Dự án 10:** Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS&MN. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình.

Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN: 500 triệu đồng.

2. Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, kế hoạch vốn là: 3.257 triệu đồng. Trong đó:

- Nội dung thành phần số 02: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn-đô thị và kết nối các vùng miền: 3.257 triệu đồng

(Chi tiết có phụ lục 01; 02; 03 và 3.1 kèm theo)

Ủy ban nhân dân huyện trình Hội đồng nhân dân huyện xem xét cho ý kiến về kế hoạch vốn đầu tư phát triển thực hiện 02 Chương trình MTQG năm 2023./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Lãnh đạo VP;
- Lưu: VT, THXD (M).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Ksor Tin

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC HIỆN 02 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2023

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung/địa bàn, đơn vị	TỔNG KẾ HOẠCH VỐN 02 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA			CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI			CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI			Ghi chú
		Kế hoạch vốn năm 2023	Trong đó:		Kế hoạch vốn năm 2023	Trong đó:		Kế hoạch vốn năm 2023	Trong đó:		
			Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh		Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh		Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	
1	2	3=6+9	4	5	6=7+8	7	8	9=10+11	10	11	
	Huyện Krông Pa	29.379,0	27.924,0	1.455,0	26.122,0	24.667,0	1.455,0	3.257,0	3.257,0	-	
a	UBND huyện	8.074,0	7.471,0	603,0	8.074,0	7.471,0	603,0	-	-	-	UBND huyện có trách nhiệm giao chi tiết cho các phòng, ban, ngành của huyện để triển khai thực hiện
b	UBND các xã	21.305,0	20.453,0	852,0	18.048,0	17.196,0	852,0	3.257,0	3.257,0	-	-
01	Xã Uar	1.124,5	1.076,5	48,0	689,5	641,5	48,0	435,0	435,0		
02	Xã Chư Gu	2.641,5	2.593,5	48,0	689,5	641,5	48,0	1.952,0	1.952,0		
03	Xã Chư Rcăm	1.821,5	1.721,5	100,0	1.821,5	1.721,5	100,0	-			
04	Xã Ia Rsaí	1.774,5	1.722,5	52,0	1.774,5	1.722,5	52,0	-			
05	Xã Đất Bằng	1.863,5	1.811,5	52,0	1.863,5	1.811,5	52,0	-			
06	Xã Chư Ngọc	1.700,5	1.648,5	52,0	1.700,5	1.648,5	52,0	-	-		
07	Xã Ia Rsum	1.848,5	1.748,5	100,0	1.848,5	1.748,5	100,0	-	-		
08	Xã Chư Drăng	1.863,5	1.763,5	100,0	1.863,5	1.763,5	100,0	-	-		
09	Xã Ia Rmók	1.914,0	1.814,0	100,0	1.914,0	1.814,0	100,0	-	-		
10	Xã Ia Hdreh	1.928,0	1.828,0	100,0	1.928,0	1.828,0	100,0	-	-		
11	Xã Krông Năng	1.955,0	1.855,0	100,0	1.955,0	1.855,0	100,0	-	-		
12	Phú Cản	435,0	435,0	-	-	-	-	435,0	435,0		
13	Ia Mlah	435,0	435,0	-	-	-	-	435,0	435,0		
				-							

**KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2023**

DVT: Triệu đồng

STT	Nội dung/địa bàn, đơn vị	Kế hoạch năm 2023	Trong đó		Ghi chú
			Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>I</i>			
A	Nội dung thành phần số 02: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn-đô thị và kết nối các vùng miền	3.257,0	3.257,0		
I	Xã đạt chuẩn nông thôn mới				
1	Phú Cần	435,0	435,0		
2	Ia Mlah	435,0	435,0		
3	Uar	435,0	435,0		
II	Xã đạt 15-18 tiêu chí				
4	Chur Gu	1.952,0	1.952,0		
III	Xã đạt dưới 15 tiêu chí				

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ THỰC HIỆN DỰ ÁN 1 - CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KTXH VÙNG ĐBĐTT VÀ MIỀN NÚI NĂM 2023

ĐVT: Triệu đồng

STT	Đơn vị thực hiện	Tổng vốn đầu tư năm 2023				1. Hộ được hỗ trợ đất ở						2. Hộ được hỗ trợ nhà ở						3. Hộ được hỗ trợ đất sản xuất						4. Công trình nước sinh hoạt tập trung		Ghi chú
						Tổng vốn đầu tư (TW+ĐP)		Vốn đầu tư TW (TW40 trđ/hộ, ĐP 4trđ/hộ, vay vốn 50tr/hộ)		Vốn đầu tư ĐP (44trđ/hộ, vay vốn 50tr/hộ)		Tổng vốn đầu tư (TW+ĐP)		Vốn đầu tư TW (TW40 trđ/hộ, ĐP 4trđ/hộ, vay vốn 40tr/hộ)		Vốn đầu tư ĐP (44trđ/hộ, vay vốn 40tr/hộ)		Tổng vốn đầu tư (TW+ĐP)		Vốn đầu tư TW (TW 22,5 trđ/hộ, vay vốn 77,5 tr/hộ)		Vốn đầu tư ĐP (ĐP 22,5 trđ/hộ, vay vốn 77,5 tr/hộ)		Vốn đầu tư TW (TB 3000 trđ/công trình)		
		Tổng số hộ (c/tr) được hỗ trợ	Tổng vốn đầu tư (NSTW + NSDP)	Vốn NSTW	Vốn NST	Số lượng (hộ)	Vốn Đầu tư	Số lượng (hộ)	Vốn NST W	Số lượng (hộ)	Vốn NST	Số lượng (hộ)	Vốn Đầu tư	Số lượng (hộ)	Vốn NSTW	Số lượng (hộ)	Vốn NST	Số lượng (hộ)	Vốn Đầu tư	Số lượng (hộ)	Vốn NSTW	Số lượng (hộ)	Vốn NST	Số lượng (công trình)	Vốn NSTW	
	Tổng cộng		6.017,0	5.165,0	852,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	43,0	1.892,0	26,0	1.040,0	17,0	852,0	50,0	1.125,0	50,0	1.125,0	0,0	0,0	1,0	3.000,0	
I	UBND huyện	1	3.000,0	3.000,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	1,0	3.000,0	UBND huyện có trách nhiệm giao chi tiết cho các phòng, ban, ngành của huyện để triển khai thực hiện
II	UBND các xã		3.017,0	2.165,0	852,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	43,0	1.892,0	26,0	1.040,0	17,0	852,0	50,0	1.125,0	50,0	1.125,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
	1 Xã Krông Năng	11	355,0	255,0	100,0							5	220,0	3	120,0	2	100,0	6	135,0	6	135,0			0,0		
	2 Xã Ia Dreh	11	355,0	255,0	100,0							5	220,0	3	120,0	2	100,0	6	135,0	6	135,0			0,0		
	3 Xã Ia Rmok	11	355,0	255,0	100,0							5	220,0	3	120,0	2	100,0	6	135,0	6	135,0			0,0		
	4 Xã Chư Drăng	10	332,5	232,5	100,0							5	220,0	3	120,0	2	100,0	5	112,5	5	112,5			0,0	0,0	
	5 Xã Ia Rsum	10	332,5	232,5	100,0							5	220,0	3	120,0	2	100,0	5	112,5	5	112,5			0,0		
	6 Xã Chư Rcam	10	332,5	232,5	100,0							5	220,0	3	120,0	2	100,0	5	112,5	5	112,5			0,0		
	7 Xã Ia Rсай	8	244,5	192,5	52,0							3	132,0	2	80,0	1	52,0	5	112,5	5	112,5			0,0	0	0,0
	8 Xã Đát Bàng	8	244,5	192,5	52,0							3	132,0	2	80,0	1	52,0	5	112,5	5	112,5			0,0		
	9 Xã Chư Ngọc	4	154,5	102,5	52,0							3	132,0	2	80,0	1	52,0	1	22,5	1	22,5			0,0		
	10 Xã Uar	5	155,5	107,5	48,0							2	88,0	1	40,0	1	48,0	3	67,5	3	67,5			0,0		
	11 Xã Chư Gu	5	155,5	107,5	48,0							2	88,0	1	40,0	1	48,0	3	67,5	3	67,5			0,0		

Số: /NQ-HĐND

Krông Pa, ngày tháng năm 2023

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT
Về kế hoạch vốn đầu tư phát triển thực hiện
02 chương trình MTQG năm 2023

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PA
KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ CHÍN (CHUYÊN ĐỀ)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định 27/2022/NĐ-CP ngày 19/04/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 17/2022/NQ-HĐND ngày 15/4/2022 của HĐND tỉnh Gia Lai ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Nghị quyết số 20/2022/NQ-HĐND ngày 08/7/2022 của HĐND tỉnh Gia Lai ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Nghị quyết số 185/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách địa phương, các chương trình mục tiêu quốc gia và thông qua phương án phân bổ vốn năm 2023 nguồn ngân sách trung ương;

Căn cứ Quyết định số 773/QĐ-UBND ngày 13/12/2022 của UBND tỉnh Gia Lai về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 136/NQ-HĐND ngày 31/08/2022 của HĐND huyện về việc thống nhất về kế hoạch vốn đầu tư phát triển thực hiện 02 Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 và năm 2022 trên địa bàn huyện.

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày /02/2023 của UBND huyện về việc xin ý kiến về kế hoạch vốn đầu tư phát triển thực hiện 02 Chương trình MTQG năm 2023 trên địa bàn huyện; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội HĐND huyện ý kiến thảo luận thống nhất của đại biểu tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất về kế hoạch vốn đầu tư phát triển thực hiện 02 Chương trình MTQG năm 2023 trên địa bàn huyện, cụ thể:

Tổng kế hoạch vốn đầu tư phát triển thực hiện 02 chương trình MTQG năm 2023 là: 29.379 triệu đồng (Bằng chữ: Hai mươi chín tỷ ba trăm bảy mươi chín triệu đồng). Trong đó:

1. Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, kế hoạch vốn: 26.122 triệu đồng. Trong đó:

- **Dự án 1:** Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt: 6.017 triệu đồng. Trong đó:

+ Hỗ trợ nhà ở cho 43 hộ: 1.892 triệu đồng.

+ Hỗ trợ đất sản xuất cho 50 hộ: 1.125 triệu đồng.

+ Hỗ trợ nước sinh hoạt tập trung: 3.000 triệu đồng.

- **Dự án 2:** Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết: 4.240 triệu đồng (Dự án sắp xếp, bố trí ổn định các hộ thiếu số du canh, du cư buôn Ma Giai, xã Đất Bằng).

- **Dự án 4:** Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống vùng đồng bào DTTS&MN và các đơn vị sự nghiệp lĩnh vực công của lĩnh vực dân tộc.

Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống vùng đồng bào DTTS&MN: 15.031 triệu đồng.

- **Dự án 6:** Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch: 334 triệu đồng.

- **Dự án 10:** Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS&MN. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình.

Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN: 500 triệu đồng.

2. Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, kế hoạch vốn là: 3.257 triệu đồng. Trong đó:

- Nội dung thành phần số 02: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn-đô thị và kết nối các vùng miền: 3.257 triệu đồng

(Chi tiết có phụ lục 01; 02; 03 và 3.1 kèm theo)

Điều 2. Giao cho UBND huyện tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Krông Pa khóa XII, kỳ họp thứ chín (chuyên đề) thông qua ngày /02/2023 và có hiệu lực từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- TT Huyện ủy;
- TT HĐND huyện;
- TT UBND huyện;
- TT UBMTTQ huyện;
- Các Đại biểu HĐND huyện;
- Cơ quan liên quan;
- HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Lưu VT, VP.

CHỦ TỊCH

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC HIỆN 02 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2023

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HDND ngày / /2023 của HĐND huyện)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung/địa bàn, đơn vị	TỔNG KẾ HOẠCH VỐN 02 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA			CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI			CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI			Ghi chú
		Kế hoạch vốn năm 2023	Trong đó:		Kế hoạch vốn năm 2023	Trong đó:		Kế hoạch vốn năm 2023	Trong đó:		
			Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh		Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh		Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	
1	2	3=6+9	4	5	6=7+8	7	8	9=10+11	10	11	
	Huyện Krông Pa	29.379,0	27.924,0	1.455,0	26.122,0	24.667,0	1.455,0	3.257,0	3.257,0	-	
a	UBND huyện	8.074,0	7.471,0	603,0	8.074,0	7.471,0	603,0	-	-	-	UBND huyện có trách nhiệm giao chi tiết cho các phòng, ban, ngành của huyện để triển khai thực hiện
b	UBND các xã	21.305,0	20.453,0	852,0	18.048,0	17.196,0	852,0	3.257,0	3.257,0	-	-
01	Xã Uar	1.124,5	1.076,5	48,0	689,5	641,5	48,0	435,0	435,0		
02	Xã Chư Gu	2.641,5	2.593,5	48,0	689,5	641,5	48,0	1.952,0	1.952,0		
03	Xã Chư Răm	1.821,5	1.721,5	100,0	1.821,5	1.721,5	100,0	-			
04	Xã Ia Rсай	1.774,5	1.722,5	52,0	1.774,5	1.722,5	52,0	-			
05	Xã Đất Bằng	1.863,5	1.811,5	52,0	1.863,5	1.811,5	52,0	-			
06	Xã Chư Ngọc	1.700,5	1.648,5	52,0	1.700,5	1.648,5	52,0	-	-		
07	Xã Ia Rsuom	1.848,5	1.748,5	100,0	1.848,5	1.748,5	100,0	-	-		
08	Xã Chư Drăng	1.863,5	1.763,5	100,0	1.863,5	1.763,5	100,0	-	-		
09	Xã Ia Rmok	1.914,0	1.814,0	100,0	1.914,0	1.814,0	100,0	-	-		
10	Xã Ia Hdreh	1.928,0	1.828,0	100,0	1.928,0	1.828,0	100,0	-	-		
11	Xã Krông Năng	1.955,0	1.855,0	100,0	1.955,0	1.855,0	100,0	-	-		
12	Phú Cản	435,0	435,0	-	-	-	-	435,0	435,0		
13	Ia Mlah	435,0	435,0	-	-	-	-	435,0	435,0		

**KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2023**

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HDND ngày / /2023 của HDND huyện)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung/địa bàn, đơn vị	Kế hoạch năm 2023	Trong đó		Ghi chú
			Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>I</i>			
A	Nội dung thành phần số 02: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn-đô thị và kết nối các vùng miền	3.257,0	3.257,0		
I	Xã đạt chuẩn nông thôn mới				
1	Phú Cần	435,0	435,0		
2	Ia Mlah	435,0	435,0		
3	Uar	435,0	435,0		
II	Xã đạt 15-18 tiêu chí				
4	Chư Gu	1.952,0	1.952,0		
III	Xã đạt dưới 15 tiêu chí				

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ THỰC HIỆN DỰ ÁN 1 - CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KTXH VÙNG ĐBĐTTTS VÀ MIỀN NÚI NĂM 2023

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /2023 của HĐND huyện)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Đơn vị thực hiện	Tổng vốn đầu tư năm 2023				1. Hộ được hỗ trợ đất ở						2. Hộ được hỗ trợ nhà ở						3. Hộ được hỗ trợ đất sản xuất						4. Công trình nước sinh hoạt tập trung		Ghi chú
						Tổng vốn đầu tư (TW+ĐP)		Vốn đầu tư TW (TW40 trđ/hộ, ĐP 4trđ/hộ, vay vốn 50tr/hộ)		Vốn đầu tư ĐP (44trđ/hộ, vay vốn 50tr/hộ)		Tổng vốn đầu tư (TW+ĐP)		Vốn đầu tư TW (TW40 trđ/hộ, ĐP 4trđ/hộ, vay vốn 40tr/hộ)		Vốn đầu tư ĐP (44trđ/hộ, vay vốn 40tr/hộ)		Tổng vốn đầu tư (TW+ĐP)		Vốn đầu tư TW (TW 22,5 trđ/hộ, vay vốn 77,5 tr/hộ)		Vốn đầu tư ĐP (ĐP 22,5 trđ/hộ, vay vốn 77,5 tr/hộ)		Vốn đầu tư TW (TB 3000 trđ/công trình)		
		Tổng số hộ (c/tr) được hỗ trợ	Tổng vốn đầu tư (NSTW + NSDP)	Vốn NSTW	Vốn NST	Số lượng (hộ)	Vốn Đầu tư	Số lượng (hộ)	Vốn NST W	Số lượng (hộ)	Vốn NST	Số lượng (hộ)	Vốn Đầu tư	Số lượng (hộ)	Vốn NSTW	Số lượng (hộ)	Vốn NST	Số lượng (hộ)	Vốn NST	Số lượng (hộ)	Vốn NST	Số lượng (công trình)	Vốn NSTW			
	Tổng cộng		6.017,0	5.165,0	852,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	43,0	1.892,0	26,0	1.040,0	17,0	852,0	50,0	1.125,0	50,0	1.125,0	0,0	0,0	1,0	3.000,0	
I	UBND huyện	1	3.000,0	3.000,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	1,0	3.000,0	UBND huyện có trách nhiệm giao chỉ tiết cho các phòng, ban, ngành của huyện để triển khai thực hiện
II	UBND các xã		3.017,0	2.165,0	852,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	43,0	1.892,0	26,0	1.040,0	17,0	852,0	50,0	1.125,0	50,0	1.125,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
	1 Xã Krông Năng	11	355,0	255,0	100,0							5	220,0	3	120,0	2	100,0	6	135,0	6	135,0			0,0		
	2 Xã Ia Dreh	11	355,0	255,0	100,0							5	220,0	3	120,0	2	100,0	6	135,0	6	135,0			0,0		
	3 Xã Ia Rmok	11	355,0	255,0	100,0							5	220,0	3	120,0	2	100,0	6	135,0	6	135,0			0,0		
	4 Xã Chư Drăng	10	332,5	232,5	100,0							5	220,0	3	120,0	2	100,0	5	112,5	5	112,5			0,0	0,0	
	5 Xã Ia Rsum	10	332,5	232,5	100,0							5	220,0	3	120,0	2	100,0	5	112,5	5	112,5			0,0		
	6 Xã Chư Rcăm	10	332,5	232,5	100,0							5	220,0	3	120,0	2	100,0	5	112,5	5	112,5			0,0		
	7 Xã Ia Rсай	8	244,5	192,5	52,0							3	132,0	2	80,0	1	52,0	5	112,5	5	112,5			0,0	0	0,0
	8 Xã Đất Bằng	8	244,5	192,5	52,0							3	132,0	2	80,0	1	52,0	5	112,5	5	112,5			0,0		
	9 Xã Chư Ngọc	4	154,5	102,5	52,0							3	132,0	2	80,0	1	52,0	1	22,5	1	22,5			0,0		
	10 Xã Uar	5	155,5	107,5	48,0							2	88,0	1	40,0	1	48,0	3	67,5	3	67,5			0,0		
	11 Xã Chư Gu	5	155,5	107,5	48,0							2	88,0	1	40,0	1	48,0	3	67,5	3	67,5			0,0		